ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2056/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Kế hoạch chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên - Giai đoạn 2018-2020"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg, ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về "Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020";

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-ĐHTN, ngày 10/08/2010 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên về "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn 2020";

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-ĐHYD, ngày 06/02/2017 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên về "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2025";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính về "Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước";

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-ĐHYD, ngày 04/04/2016 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên về "Quy định về chế độ làm việc đối với Nhà giáo của Trường Đại học Y Dược";

Căn cứ nhu cầu thực tiễn về phát triển khoa học và công nghệ ở khu vực miền núi phía Bắc và quốc gia;

Căn cứ Kết quả họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược - Giai đoạn 2018-2020";

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho những văn bản trước đây quy định về Kế hoạch chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược;

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

GS.TS. Nguyễn Văn Sơn

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2056/QĐ-ĐHYD ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)

1. Sứ mạng của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên có sứ mạng đào tạo cán bộ y tế trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc khu vực trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước.

2. Tầm nhìn

Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên thành một Đại học sức khỏe đa ngành, đa bậc học; cơ sở đào tạo lớn về nhân lực y tế; có tiềm năng và năng lực nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên trình độ cao, cơ sở vật chất đồng bộ để làm tiền đề phát triển vững chắc, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế.

3. Giá trị cốt lõi

Đoàn kết - Đổi mới - Chất lượng - Hiệu quả

4. Bối cảnh về NCKH &Chuyển giao công nghệ

4.1. Bối cảnh quốc tế

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực Y Dược trên thế giới phát triển rất nhanh chóng và đa dạng. Các trường đại học trên thế giới và khu vực có chiến lược đa dạng để phát triển khoa học công nghệ theo chiều rộng và chiều sâu. Nguồn quỹ cho nghiên cứu khoa học ngày càng trở nên khan hiếm và thường phê duyệt cho những cơ sở có uy tín và danh tiếng.

4.2. Bối cảnh trong nước

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ "khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới".

Nhà nước và ngành y tế có chủ trương chú trọng đến phát triển khoa học công nghệ để phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Các trường đại học Y Dược trong cả nước và các cơ sở y tế trong cả nước phát triển nghiên cứu theo chiều hướng chuyên sâu và phổ rộng. Việc đấu thầu, đăng ký các đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, ngành trọng điểm đều dựa trên tiềm lực và năng lực nghiên cứu của các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo. Chính vì vậy, các cơ sở nghiên cứu đều có những đầu tư thích đáng vào phát triển cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho phát triển khoa học và công nghệ.

4.3. Bối cảnh của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên là một trường đại học đào tạo các lĩnh vực Y, Dược, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn của khu vực miền núi phía Bắc. Trường đã xác định việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, đồng thời công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phải đóng góp vào việc chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng khu vực trung du, miền núi phía Bắc của Việt Nam. Nhà trường định hướng nghiên cứu khoa học tập trung vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và lĩnh vực dược, y học cổ truyền. Nghiên cứu khoa học của trường đóng vai trò then chốt và sẽ phát triển để ngang tầm với các trường đại học Y trong nước và các nước trong khu vực.

Trong những năm vừa qua, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên đã có những phát triển đáng kể về số lượng và chất lượng các đề tài và kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học. Hoạt động NCKH của trường những năm 2012-2016 đã tạo một số sản phẩm khoa học phục vụ chăm sóc sức khỏe, đào tạo, bao gồm các quy trình công nghệ, một số sản chuyển giao công nghệ, thông qua các đề tài cấp bộ, tỉnh, cấp đại học, cấp cơ sở. Những thành quả này đã có những tác động nhất định đến cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại

4.4.1.Điểm mạnh

- Là một trường đã thành lập 50 năm, có uy tín và kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt là làm việc ở khu vực miền núi phía Bắc.
- Ngày càng có nhiều giảng viên có bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành và đi tham dự các hội nghị khoa học trong nước, quốc tế và khu vực.
- Số giảng viên có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ tốt nghiệp ở nước ngoài đã tăng đáng kể và là nhân tố quan trọng để kết nối các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu.
- Đã nghiên cứu thành công và chuyển giao nhiều sản phẩm khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực kỹ thuật y học về ngoại khoa, chăm sóc người bệnh tại bệnh viện Trường và các đơn vị, bệnh viện.
- Có uy tín cao với các địa phương, các bộ, ngành trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, có lợi thế vùng khu vực miền núi.
- Có cơ chế khuyến khích các cá nhân, đơn vị tự chủ hoạt động bước đầu có hiệu quả trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.
- Trong bối cảnh hội nhập và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường có quan hệ với nhiều cơ sở y tế, đây sẽ là nền tảng để đặt nền móng cho việc hợp tác nghiên cứu dựa trên nhu cầu của các địa phương.
- Trường đã có quan hệ hợp tác với một số trường đại học trên thế giới, là cơ sở để trường tiếp tục các hợp tác về nghiên cứu.

4.4.2.Điểm yếu

- Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của giảng viên. Tỷ lệ giảng viên chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học trên tổng số giảng viên còn thấp.

- Một số trang thiết bị phục vụ nghiên cứu còn thiếu.

- Chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực đủ mạnh để tham gia đấu thầu các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Chưa có các sản phẩm khoa học công nghệ có tính thương mại trên thị trường.

- Năng lực hội nhập quốc tế của Nhà trường trong khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực chủ động tìm kiếm cơ hội, đề tài khoa học từ các tỉnh của các bộ môn, khoa còn hạn chế.

- Sự gắn kết giữa đào tạo sau đại học, đặc biệt là đào tạo tiến sỹ và nghiên cứu khoa học còn chưa hiệu quả; các đề tài, luận văn chưa được chuyển biến thành đề tài khoa học của sinh viên.

- Sự phối hợp liên bộ môn, liên khoa trong xây dựng các nghiên cứu có tính ứng dụng góp phần cho nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ người bệnh còn hạn chế.

- Số lượng cán bộ thực sự có năng lực nghiên cứu còn hạn chế, nhiều cán bộ chưa đam mê nghiên cứu, làm việc chưa có tính chuyên nghiệp.

4.4.3. Cơ hội

- Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng: Tạo cơ hội cho việc tiếp nhận các chuyên gia đầu ngành, tiếp nhận công nghệ tiên tiến.

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ 2011-2020; Luật Khoa học công nghệ 2013 đã có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2014.

- Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, nhu cầu chuyển giao công nghệ y dược của các địa phương ngày càng cao.

- Lợi thế về điều kiện thiên nhiên, môi trường của khu vực miền núi.

4.4.4.Thách thức

- Chính sách của nhà nước về đãi ngộ khoa học công nghệ còn bất cập.

- Những thay đổi về phương thức quản lý đề tài, dự án các cấp.

- Việt Nam đã vượt qua nhóm các nước nghèo nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp.

- Cạnh tranh về khoa học công nghệ giữa các tổ chức, các cơ sở đào tạo ngày càng gia tăng; nhu cầu ngày càng tăng về năng lực đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất theo các định hướng chuyên ngành, ưu tiên chú trọng các sản phẩm đầu ra như: bảo tồn gen và nguồn dược liệu quí hiếm, nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm khoa học công nghệ ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ y dượcTrong khi đó năng lực nghiên cứu của cán bộ, cơ sở vật chất, phương tiện, máy móc của Trường Đại học Y Dược còn khá khiêm tốn so với các cơ sở khác.

- Nguy cơ tụt hậu về phương pháp và kinh nghiệm nghiên cứu có xu hướng gia tăng so với các cơ sở khác và các nước trong khu vực, đặc biệt các nghiên cứu chuyên sâu.

5. Quan điểm phát triển

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vừa là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của Trường Đại học: Đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là một phần quan trọng đóng góp vào việc nâng các chất lượng đào tạo và tạo nên thương hiệu của Trường.

Nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực chú trọng sản phẩm đầu ra của nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Các sản phẩm có tính ứng dụng trong nâng

cao chất lượng đạo tạo, góp phần cải thiện công tác chẩn đoán, điều trị, hỗ trợ nâng cao sức khỏe hoặc kết quả nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước, đặc biệt trên các tạp chí ISI, Scopus. Phát huy thế mạnh của Trường trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ban đầu tại khu vực khó khăn, miền núi; phát triển sản phẩm của Dược, Y học cổ truyền qua các công trình nghiên cứu; Phát triển nghiên cứu khoa học gắn với sự phát triển các dịch vụ y tế của bệnh viện.

Xúc tiến công tác hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra những sự thay đổi cho việc phát triển khoa học và công nghệ của Nhà Trường trên tinh thần tìm kiếm cơ hội, cùng hợp tác và cùng phát triển.

Khuyến khích và thu hút nhân lực có đam mê và năng lực thực hiện nghiên cứu có chất lượng cao. Đầu tư ưu tiên cho những nghiên cứu có chất lượng cao, giá trị ứng dụng trong thực tiễn và có tiềm năng để chuyển giao khoa học công nghệ hoặc đăng ký bản quyền trí tuệ.

6. Cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược

- Quyết định số 18/QĐ-TTg, ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về "Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020";
- Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Đại học Thái Nguyên 2016-2020 và tầm nhìn 2025;
- Quyết định số 1033/QĐ-ĐHTN, ngày 10/08/2010 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên về "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2010–2015 và tầm nhìn 2020";
- Quyết định số 128/QĐ-ĐHYD, ngày 6/02/2017 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên về "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn 2025";
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về "Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước";
- Quyết định số 555/QĐ-ĐHYD, ngày 04/04/2016 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên về "Quy định về chế độ làm việc đối với Nhà giáo của Trường Đại học Y – Dược";
- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, quan điểm phát triển và thực trạng nguồn lực của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên;
- Nhu cầu thực tiễn về phát triển khoa học và công nghệ ở khu vực miền núi phía Bắc và quốc gia.

7. Mục tiêu

7.1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ sẽ đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Nhà trường, trong đó các đề tài có khả năng ứng dụng, có tính hiệu quả cao trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng góp phần phát triển kinh tế – xã hội của khu vực và cả nước. Tạo ra sản phẩm khoa học công nghệ có hàm lượng khoa học cao và đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học công nghệ y dược của các tỉnh trung du miền núi phía Bắc; đồng thời hỗ trợ có hiệu quả công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

7.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thiện các văn bản, cơ cấu tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm khuyến khích, phát huy tối đa nguồn lực và hiệu quả đầu tư nghiên cứu khoa học.

100% giảng viên có trình độ tiến sỹ và 50% giảng viên có trình độ thạc sỹ công bố ít nhất 01 bài/1 năm trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các hội nghị trong và ngoài nước. Số lượng đề tài nghiệm thu/tổng số giảng viên cơ hữu đạt 1,5.

10% đội ngũ cán bộ làm nghiên cứu khoa học có năng lực và trình độ cao, có khả năng tham gia nghiên cứu và viết bài đăng trên các tạp chí quốc tế làm nền tảng cho sự phát triển của Nhà trường. Số bài đăng trên tạp chí ISI và Scopus đạt mức trung bình 20 bài/năm.

80% sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực Y, Dược, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng có các bài báo xuất bản trên các tạp chí quốc gia.

Hoàn thiện thủ tục tối thiểu có 02 sản phẩm khoa học công nghệ đăng ký bản quyền sở hữu sản phẩm hoặc đăng ký giải pháp hữu ích của lĩnh vực Dược/ Y học cổ truyền.

Ít nhất 05 đề tài nghiên cứu được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ cho các cơ sở y tế về lĩnh vực y học lâm sàng/ y học cơ sở/ y tế công cộng/ Dược.

Hoàn thiện hệ thống các phòng thí nghiệm và triển khai các nghiên cứu chuyên sâu, hợp tác với các phòng thí nghiệm trong khu vực để chú trọng phát triển các nghiên cứu về công nghệ sinh học, tế bào để ứng dụng cho chẩn đoán và điều trị.

Đẩy mạnh hợp tác về nghiên cứu khoa học với nước ngoài. Đến năm 2020, có ít nhất 01 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai.

Tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ cấp quốc gia và quốc tế. Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 01 giải thưởng về khoa học công nghệ cấp quốc gia hoặc khu vực.

Số lượng kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ tăng dần hàng năm và đảm bảo thực hiện theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

8. Định hướng ưu tiên trong nghiên cứu khoa học

Thuốc và dược liệu: Áp dụng khoa học và công nghệ trong nghiên cứu phát triển thuốc và các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu. Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu và tập trung vào phát triển và bảo tồn nguồn dược liệu quí hiếm. Nghiên cứu tác dụng của dược liệu, đánh giá tác dụng trên thực nghiệm và lâm sàng. Trên cơ sở đó phát triển sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và đăng ký sở hữu sản phẩm.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu: Nghiên cứu các kỹ thuật và xây dựng các mô hình sàng lọc phát hiện sớm một số bệnh; tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt đặc thù cho khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Ứng dụng của công nghệ thông tin trong y học và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nghiên cứu dự báo về tình hình sức khỏe bệnh tật. Triển khai tiến bộ về khoa học kỹ thuật trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Nghiên cứu cơ bản: Tập trung phát triển các nghiên cứu cho chuyên ngành vật lý-lý sinh. Bên cạnh đó, triển khai các nghiên cứu về sinh học, hóa học, lý sinh, sinh lý, sinh hóa… tạo nền tảng cho sự phát triển của khoa học y học.

Nghiên cứu về giáo dục y học: Triển khai các nghiên cứu để đổi mới chương trình, phương pháp, tài liệu, vật liệu dạy học cho các ngành đào tạo, các nhóm đối tượng đào tạo trong Nhà Trường.

Các dịch vụ về nghiên cứu khoa học: Cung cấp các khóa đào tạo liên quan đến nghiên cứu khoa học cho các cơ sở y tế hoặc đối tượng có nhu cầu; Tư vấn xây dựng các thiết kế nghiên cứu khoa học, xử lý số liệu…hoặc đánh giá chương trình/hoạt động y tế, đánh giá nhu cầu…

9. Các giải pháp chủ yếu

9.1. Giải pháp thông tin

Phổ biến chiến lược khoa học công nghệ tới toàn thể cán bộ khoa, thống nhất hoạt động theo chiến lược được phê duyệt.

Tăng cường tổ chức các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo theo nhiệm vụ trọng tâm, giao lưu hợp tác với các chuyên gia trong cùng lĩnh vực tầm quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh công tác đưa tin trên trang web của Khoa, Trường.

Thúc đẩy thương mại, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ khoa học công nghệ phục vụ chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu thuốc và các dịch vụ đào tạo liên quan đến nghiên cứu khoa học.

9.2. Giải pháp về tổ chức

Xây dựng nhóm nòng cốt NCKH theo từng lĩnh vực chuyên môn: Thành lập các nhóm nòng cốt về nghiên cứu theo nhóm chuyên ngành: Y tế công cộng, Dược và điều dưỡng, Y học lâm sàng, Y học cơ sở và khoa học cơ bản. Các nhóm xây dựng định hướng và thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu phù hợp với nhu cầu và năng lực của các đơn vị.

Hình thành nhóm tư vấn và tìm kiếm thông tin: Sự hình thành nhóm tư vấn và tìm kiếm thông tin sẽ tạo nên sự chủ động, sẵn sàng đáp ứng một cách nhanh chóng và hiệu quả yêu cầu của các cơ quan chủ quản. Nhóm tư vấn và tìm kiếm thông tin sẽ là cầu nối giữa nhà khoa học của trường với các khách hàng có nhu cầu sử dụng các sản phẩm khoa học công nghệ. Đồng thời, nhóm này sẽ làm nhiệm vụ quảng bá các sản phẩm khoa học công nghệ của trường và xác định nhu cầu về khoa học công nghệ của các khách hàng.

Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, tiềm năng: Nhóm này được thành lập trên tinh thần tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước Nhà trường. Thành phần là những nhà khoa học trẻ, tâm huyết, được đào tạo cơ bản sẵn sàng triển khai các đề tài nghiên cứu mà sản phẩm của nó có thể đăng tải trên tạp chí khoa học Quốc tế. Nhà trường sẽ hỗ trợ kinh phí để nhóm có thể thực hiện các đề tài và nghiệm thu trên cơ sở sản phẩm (bài báo quốc tế được đăng trên hệ thống ISI, Scopus..).

Với mỗi chuyên ngành/khoa cần xây dựng các đề án nghiên cứu chiến lược theo từng giai đoạn.

Đề xuất và xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: Tổ chức xét duyệt và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở 6 tháng 1 lần. Đồng thời việc thanh quyết toán đề tài cũng diễn ra thường xuyên hàng tháng, sau khi chủ nhiệm đề

tài có đầy đủ các sản phẩm của đề tài theo thuyết minh đã đăng ký. Khoán cho các khoa, bộ môn hướng dẫn NCKH cho sinh viên dựa trên số lượng cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư và trình độ học vị tiến sỹ, thạc sĩ.

Tăng cường vai trò của các khoa, bộ môn trong nghiên cứu khoa học: Việc đề xuất, phê duyệt/tham gia phê duyệt đề tài các cấp do hội đồng khoa học các khoa thực hiện. Đồng thời, các khoa/bộ môn tổ chức các siminar về khoa học thường kỳ hàng tháng để cập nhật kiến thức chuyên môn, nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ trẻ.

9.3. Giải pháp về nhân lực

Phát triển đội ngũ nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên. Ưu tiên đào tạo thành viên của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, nghiên cứu tiềm năng về phương pháp, kỹ năng nghiên cứu. Tìm kiếm cơ hội và tạo điều kiện cho các thành viên này tham gia nghiên cứu chuyên sâu/ nghiên cứu hợp tác với các Trường/đơn vị trong khu vực và quốc tế. Nhà trường sẽ hỗ trợ kinh phí cho học viên sau đại học đối với các nghiên cứu, trong đó Nhà trường có đồng sở hữu sản phẩm nghiên cứu.

Liên kết với các nhà khoa học của các trường, các cơ sở y tế, các đơn vị nghiên cứu có uy tín trong nước và các nước trong khu vực theo phương thức hai bên cùng có lợi, mục đích chính là tạo ra các sản phẩm nghiên cứu mang tầm quốc gia, quốc tế và nâng cao năng lực cho cán bộ, sinh viên về nghiên cứu khoa học.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nhà khoa học trẻ để tạo tiền đề các nghiên cứu chuyên sâu về sau và có các công trình chất lượng cao tham gia hội thi khoa học công nghệ đạt giải thưởng cao.

Các khoa/bộ môn, các nhóm nghiên cứu cử đầu mối để chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế về nghiên cứu.

Có cơ chế thu hút đầu tư thỏa đáng, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà khoa học làm việc, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Có chính sách và cơ chế thuê chuyên gia/cán bộ nghiên cứu theo hợp đồng dịch vụ, nhiệm vụ khoa học công nghệ.

9.4. Giải pháp về cơ sở vật chất

Xây dựng trung tâm đào tạo và nghiên cứu thực địa, bao gồm việc nuôi trồng và bảo tồn gen của các loại dược liệu quí, đặc thù khu vực miền núi. Đây sẽ là cơ sở để phát triển các nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về dược và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Đầu tư trang thiết bị vật chất phục vụ cho các hướng nghiên cứu ưu tiên, hình thành tổ chức và xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về Dược, y học cơ sở, y học cơ bản.

Kết hợp khai thác sử dụng các trung tâm đã xây dựng phục vụ cho cung cấp dịch vụ y tế để tiến hành các nghiên cứu như Trung tâm chẩn đoán trước sinh, khoa xét nghiệm của bệnh viện Trường Đại học Y dược, bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

9.5. Giải pháp về tài chính

Khai thác các nguồn ngân sách đầu tư từ các quỹ khoa học công nghệ quốc gia, các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, đề tài các cấp…

Khai thác các đề tài, dự án từ nghị định thư, hợp tác với nước ngoài, từ đặt hàng của các doanh nghiệp, địa phương…

Tìm và khai thác hợp đồng nghiên cứu triển khai với các các bệnh viện... để trở thành nguồn tài chính thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Lập quỹ nghiên cứu khoa học từ nguồn ngân sách của Trường: Ngày 25 tháng 10 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định 99/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Theo đó các cơ sở giáo dục đại học sẽ phải đầu tư 5% nguồn thu hợp pháp cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ sở và 3% nguồn học phí để đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đây sẽ là nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhóm nghiên cứu chuyên sâu thực hiện các đề tài nghiên cứu cơ bản và sinh viên thực hiện các ý tưởng khoa học.

10. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng ban hành chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ của Trường.

Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế sẽ quản lý chung và giám sát các hoạt động khoa học của Trường.

Các Khoa/đơn vị đề xuất cán bộ tham gia các nhóm, xây dựng chiến lược/kế hoạch nghiên cứu. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế đồng hành cùng các nhóm thiết kế đề cương, tìm kiếm nguồn và phối hợp/hỗ trợ trong quá trình triển khai và hoàn thiện nghiên cứu.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược, kế hoạch để điều chỉnh cho năm tiếp theo.

11. Các chỉ tiêu chính giai đoạn trung hạn 2018-2020

- Có 01 đề tài cấp Nhà nước
- Ít nhất 01 đề tài nghiên cứu hợp tác với các nước trong khu vực.
- Ít nhất 45 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống ISI, Scopus…
- Ít nhất 03 chuyển giao công nghệ cho các đơn vị.
- Hoàn thiện hồ sơn đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ hoặc bảo hộ nhãn mác ít nhất 02 sản phẩm và có đăng ký bản quyền.
- 100% các công trình nghiên cứu của giảng viên và 80% các công trình nghiên cứu của sinh viên có bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc gia.
- Có ít nhất 01 giải thưởng công nghệ cấp quốc gia hoặc khu vực.
- Tỷ lệ đề tài /số giảng viên cơ hữu đạt mức 1,5.
- Có ít nhất 01 cuốn sách là sản phẩm của nghiên cứu khoa học.
- Có ít nhất 10 đề tài hỗ trợ để đào tạo học viên sau đại học là cán bộ của Trường Đại học Y Dược.
- Mỗi khoa sẽ tổ chức được ít nhất 01 hội thảo chuyên ngành
- Mỗi năm Trường sẽ tổ chức ít nhất 01 hội thảo quốc tế về chuyên ngành hoặc Giáo dục y học.
- Phấn đấu nguồn thu từ nghiên cứu khoa học tương đương với kinh phí của Nhà Trường dành cho nghiên cứu khoa học.